

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-3-2021.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phước.
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 836/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thùy T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố P, phường PT, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Đỗ Công T, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1 - Trại giam T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Chị T, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Công T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra

mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình nên không hạnh phúc. Ngoài ra, vợ chồng còn bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Năm 2013, anh T phạm tội và đang chấp hành án tại Trại giam T tại tỉnh Bình Phước. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn anh Đỗ Công T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A, sinh ngày 03/02/2012 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con do anh T đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Theo biên bản ghi lời khai ngày 10/12/2020, bị đơn anh Đỗ Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Thùy T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2010. Trước đây, vợ chồng sống hạnh phúc, từ khi anh chấp hành án năm 2013 đến nay, vợ anh có thăm anh 01 lần/năm nhưng hiện nay không còn tình cảm. Trước đến nay thì anh và chị T không có mâu thuẫn. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A, sinh ngày 03/02/2012. Anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh đang chấp hành án tại Trại giam T, không có điều kiện đến Tòa án giải quyết nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền lợi; thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T đối với bị đơn anh Đỗ Công T. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thùy T đối với anh Đỗ Công T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A, sinh ngày 03/02/2012. Đề nghị xử giao cháu Trâm A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí : Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T và bị đơn anh Đỗ Công T có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Chị Võ Thị Thùy T và anh Đỗ Công T kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 110/2011 ngày 22/10/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình và bất đồng quan điểm sống. Năm 2013, anh T phải đi chấp hành án tại Trại giam Tổng Lê Chân nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy, chị T và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2013, thỉnh thoảng chị T có đến trại giam để thăm anh T nhưng vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý tuy nhiên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị T với anh T. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh T, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A, sinh ngày 03/02/2012. Ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A. Xét thấy, chị T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A và anh T cũng đồng ý giao cháu Trâm A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng tuy nhiên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên không thể ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh T. Do đó, cần xử giao cháu Trâm A cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Võ Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đỗ Công T, do đó chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T đối với bị đơn anh Đỗ Công T về ly hôn.

Xử cho chị Võ Thị Thùy T được ly hôn anh Đỗ Công T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Thị Trâm A, sinh ngày 03/02/2012.

Xử giao cháu Đỗ Thị Trâm A, sinh ngày 03/02/2012 cho chị Võ Thị Thùy T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị T và anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004832 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị T đã nộp xong).

5. Chị Võ Thị Thùy T và anh Đỗ Công T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng